

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Đề án: “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2277-BNN-VPĐP ngày 05/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra khảo sát;

Căn cứ Văn bản số 4914/BNN-VPĐP ngày 15/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi tiết lập Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 271/TTr-SNN ngày 31 tháng 5 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án: “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung sau:

**I. QUAN ĐIỂM**

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Sơn La là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị, gắn phát triển nông thôn với đô thị, là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trọng tâm của Chương trình OCOP - Sơn La là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế của tỉnh theo chuỗi giá trị, do các

thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và thành phần kinh tế tập thể (HTX, Liên hiệp HTX, tổ hợp tác) thực hiện. Các sản phẩm tạo ra từ chương trình có sự khác biệt, mang đặc thù gắn với những nét truyền thống, văn hóa, điều kiện tự nhiên riêng của Sơn La để chiếm ưu thế khi đi ra thị trường phân phối trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Chủ thể của Chương trình OCOP là các tổ chức, cá nhân có chức năng sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các hộ nông dân. Chủ thể này là người đăng ký và tổ chức sản xuất kinh doanh các sản phẩm đã đăng ký.

Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện, hỗ trợ các khâu đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển Hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ) để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ du lịch có lợi thế, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, tập trung phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân, thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại địa bàn khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý, tận dụng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và gìn giữ, phát triển xã hội khu vực nông thôn Sơn La theo hướng bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Giai đoạn 2019 - 2020**

##### **(1) Phát triển sản phẩm:**

- Triển khai thực hiện đề án, hướng dẫn quy trình đăng ký sản phẩm OCOP, hỗ trợ các cơ sở nâng cấp hoàn thiện mẫu mã, bao bì, logo, tem nhãn cho các sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ nâng cấp 52 sản phẩm (bình quân 4 sản phẩm/huyện, thành phố). Trong đó năm 2019, có trên 30 sản phẩm đạt 3-5 sao; năm 2020 phát triển nâng cấp thêm 25 sản phẩm đạt 3-5 sao cấp tỉnh. Các sản phẩm này sau khi phát triển sẽ được tiêu thụ trên thị trường.

- Phát triển mới 30 sản phẩm

(2) Phát triển và củng cố các tổ chức kinh tế sản xuất - kinh doanh sản phẩm OCOP

- Tư vấn, hỗ trợ tái cơ cấu bộ máy 25 - 30 tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP.

- Củng cố các tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh sản phẩm thế mạnh hiện có của các địa phương (Công ty cổ phần, Công ty TNHH, HTX, THT, hộ gia đình...).

- Có ít nhất 12 tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP năm 2019 dưới dạng tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp (mỗi huyện ít nhất 01 tổ chức)

(3) Phát triển nguồn nhân lực:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho 100% đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong hệ thống OCOP (tỉnh, huyện, xã) và lãnh đạo các doanh nghiệp/HTX tham gia OCOP.

- Nâng cao kỹ năng phân phối, tiếp thị cho đội ngũ nhân lực tham gia vào hệ thống xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP.

(4) Duy trì chu trình OCOP thường niên:

- Chu trình chuẩn OCOP được duy trì liên tục tại cấp tỉnh và cấp huyện

- Hàng năm mỗi huyện, thành phố có ít nhất 2 ý tưởng sản phẩm được hỗ trợ theo chu trình OCOP

(5) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống, quản lý điều hành chương trình OCOP:

Hoàn thiện tổ chức bộ máy chuyên trách OCOP từ tỉnh đến huyện, theo hướng gọn nhẹ hiệu quả để triển khai chu trình OCOP thường niên tỉnh Sơn La.

Ban hành chính sách riêng cho chương trình OCOP; chế độ thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm OCOP; hoàn thiện chu trình OCOP thường niên.

Xây dựng hệ thống hỗ trợ các cộng đồng trong tỉnh phát triển và thương mại hóa sản phẩm OCOP từ tỉnh đến huyện theo chu trình thường niên; hệ thống xúc tiến đồng bộ, hoạt động bài bản; thương hiệu sản phẩm OCOP Sơn La được lan rộng và phổ biến trên toàn quốc.

## **2.2. Giai đoạn 2: Năm 2021-2030**

- Phát triển sản phẩm: Phát triển ít nhất 150 - 200 sản phẩm OCOP đến thời điểm năm 2030. Trong đó 100 - 120 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3-5 sao cấp tỉnh, 20 - 25 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao cấp quốc gia.

- Phát triển các tổ chức kinh tế: Tư vấn, hỗ trợ tái cơ cấu bộ máy ít nhất 80-85 tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP vào năm 2030.

- 100% các xã tham gia Chương trình OCOP, đăng ký và thực hiện mỗi xã một sản phẩm.

- Xây dựng và ban hành hệ thống chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và đào tạo nguồn nhân lực cho các sản phẩm OCOP và đội ngũ cán bộ điều hành chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

### **3. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện**

#### **3.1. Đối tượng thực hiện**

- Sản phẩm: Gồm sản phẩm hàng hóa và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, văn hóa, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

- Chủ thể thực hiện: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (*Công ty tư nhân, Công ty TNHH (một đến dưới 50 thành viên), Công ty cổ phần*), Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

#### **3.2. Phạm vi thực hiện**

- Phạm vi không gian: Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” được triển khai ở toàn bộ địa phương trong tỉnh bao gồm cả khu vực nông thôn và khu vực đô thị (phường, thị trấn).

- Phạm vi thời gian: Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2019 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **3.3. Nguyên tắc thực hiện**

Việc thực hiện Đề án OCOP tuân thủ theo 3 nguyên tắc: Hành động địa phương hướng đến toàn cầu; tự lực, tự tin và sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực.

### **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Triển khai thực hiện Chu trình OCOP**

Hàng năm chương trình OCOP sẽ được thực hiện theo một chu trình bao gồm các bước được phối hợp từ trên xuống và từ dưới lên.

- Từ trên xuống: Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, có chính sách, định hướng phát triển, đưa ra cách thức thực hiện, hướng dẫn và dành sẵn nguồn lực để hỗ trợ...

- Từ dưới lên: Dân đề xuất, dân bàn, dân làm và thụ hưởng.

Cụ thể các bước hoạt động: (1) Tuyên truyền về OCOP; (2) Nhận ý tưởng sản phẩm; (3) Nhận phương án kinh doanh; (4) Triển khai kế hoạch kinh doanh; (5) Đánh giá và phân hạng sản phẩm; (6) Xúc tiến thương mại.

#### **2. Phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

Các sản phẩm được sản xuất và sử dụng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh; có gia tăng giá trị; không ảnh hưởng xấu đến môi trường; góp phần phát triển văn hóa, danh thắng, môi trường địa phương. Chú trọng ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

Việc quyết định chọn sản phẩm OCOP do người dân, cộng đồng quyết định, nhưng cần hướng tới các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế, khuyến khích các ý tưởng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, như Organic, Global GAP, VietGAP,...

### (1) Nhóm sản phẩm thực phẩm

Nông sản tươi sống: rau (rau củ sạch các loại, rau trái vụ,...), quả tươi (nhãn, xoài, cam quýt, mận, đào, chuối, chanh leo,...), mật ong; sản phẩm thô và sơ chế dùng để chế biến các sản phẩm như: gạo (gạo nếp tan Mường Và, Mường Chanh, Ngọc Chiến,...); thịt tươi, thủy sản tươi; đồ chế biến từ rau, củ, quả (Chuối sấy, chuối dẻo, mứt hoa quả, long nhãn,...); đồ chế biến từ chế biến từ thịt, cá, thủy sản (Giò, Chả, Xúc xích, Lạp xưởng, nước mắm, cá tôm khô,...).

### (2) Nhóm sản phẩm đồ uống

Gồm: đồ uống có cồn (rượu mận Mộc Châu, rượu chuối Yên Châu, rượu sơn tra Bắc Yên, rượu ngô); đồ uống không cồn: chè (chè Shan tuyết Mộc Châu, chè Tà Xùa Bắc Yên, chè shan tuyết Phông Lái ); cà phê; nước ép hoa quả các loại,...

### (3) Nhóm sản phẩm thảo dược

Gồm các sản phẩm được chế biến từ cây dược liệu (dược liệu khô, tinh dầu các loại) tại Bắc Yên, Vân Hồ, Mường La, Quỳnh Nhai,...

### (4) Nhóm sản phẩm lưu niệm - nội thất - trang trí

Gồm các sản phẩm hoa trang trí (hoa Mộc Châu, hoa thành phố Sơn La); Các sản phẩm dệt may thủ công của người dân tộc trên địa bàn tỉnh; các sản phẩm thủ công từ mây tre đan.

### (5) Nhóm sản phẩm du lịch nông thôn, bán hàng

Dựa vào nhu cầu thị trường, xu hướng và khả năng phát triển sản phẩm du lịch Sơn La, các dòng sản phẩm thế mạnh của tỉnh được định hướng phát triển là: Du lịch cộng đồng và dịch vụ vui chơi, Du lịch văn hóa, Du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe, Du lịch di tích lịch sử và tâm linh, Du lịch khám phá, dịch vụ các điểm dừng nghỉ tuyến xe khách trên các quốc lộ 6, QL 37, QL 43, QL 4G,...

## **3. Hệ thống quản lý chất lượng, thống kê, kiểm soát**

### *3.1. Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm*

a) *Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm:* Cụ thể hóa Bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm theo Bộ tiêu chí đã được quy định tại Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đây là cơ sở để hội đồng đánh giá các cấp chấm điểm và xếp hạng sản phẩm, cũng là cơ sở để người sản xuất tự so sánh, tự phấn đấu hoàn thiện sản phẩm để đạt thứ hạng cao và xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm của mình.

b) *Xây dựng Bộ tiêu chuẩn xếp hạng sản phẩm:* Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP bắt buộc phải tham gia đánh giá/phân hạng tại 3 cấp (cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia), trong đó các sản phẩm đạt từ 3-5 sao ở cấp huyện sẽ được đánh giá ở cấp tỉnh, các sản phẩm đạt 4-5 sao ở cấp tỉnh sẽ được đánh giá ở cấp quốc gia. Các sản phẩm được đánh giá và phân hạng tại các cấp sẽ do Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tương ứng (huyện, tỉnh và quốc gia) thực hiện.

Các sản phẩm không được đánh giá cao (1-2 sao) và các sản phẩm đạt 3-4 sao kỳ trước có thể hoàn thiện và dự thi đánh giá, phân hạng vào kỳ năm tiếp theo. Căn cứ xếp hạng sản phẩm dựa trên điểm đánh giá của Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**3.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu OCOP Sơn La:** Xây dựng và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu về sản phẩm OCOP trong quá trình sản phẩm lưu thông trên thị trường. Hệ thống cơ sở dữ liệu này là cơ sở để đánh giá hiện trạng phát triển sản phẩm OCOP của tỉnh cũng như làm căn cứ để phân loại cấp độ sản phẩm cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia và định hướng giải pháp phát triển sản phẩm OCOP chủ lực cấp tỉnh hướng đến xuất khẩu.

**3.3. Xây dựng phần mềm quản lý sản phẩm:** Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Chương trình OCOP gắn với quản lý sản phẩm trên Hệ thống tem điện tử thông minh (Tem điện tử thông minh sử dụng mã QR-code; Ứng dụng SmartLife trên smartphone; Phần mềm quản lý sản phẩm, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất,...) đảm bảo công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cũng như bảo mật chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

**3.4. Hệ thống báo cáo sản phẩm OCOP:** Hệ thống biểu mẫu phục vụ công tác tổng kết, đánh giá (cấp huyện, tỉnh): Báo cáo kết quả thực hiện tại các tỉnh (định kỳ, năm, giai đoạn), cập nhật dữ liệu sản phẩm, dữ liệu tổ chức kinh tế, xúc tiến thương mại; Định kỳ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai Chương trình OCOP tại các địa phương. Phối hợp với địa phương trong công tác triển khai, tư vấn, hỗ trợ cộng đồng trong quá trình sản xuất kinh doanh các sản phẩm OCOP.

**3.5. Công tác kiểm soát; thanh tra:** Định kỳ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, phối hợp với UBND các huyện kiểm tra tại các cơ sở về việc quản trị chất lượng trong sản xuất các sản phẩm OCOP, bao gồm: Xây dựng và nâng cấp tiêu chuẩn sản phẩm, triển khai và lưu giữ hồ sơ lô sản phẩm (trong đó có nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, kiểm nghiệm sản phẩm cuối cùng), lưu mẫu sản phẩm,... kịp thời hỗ trợ các khó khăn.

## **4. Công tác xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực**

### **4.1 Công tác xúc tiến thương mại:**

- Công tác quảng cáo, quảng bá sản phẩm; xây dựng Website OCOP Sơn La
- Ứng dụng thương mại điện tử
- Tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm
- Xây dựng hệ thống giới thiệu, bán hàng OCOP;

**4.2. Công tác đào tạo nguồn nhân lực:** Nội dung chương trình đào tạo, tập huấn theo Khung đào tạo Chương trình OCOP quy định tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đào tạo cán bộ quản lý, vận hành Chương trình;
- Đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc các tổ chức tham gia OCOP: Huy động, lồng ghép các nguồn lực từ nguồn kinh phí của Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình khởi sự doanh nghiệp... Mời các trường dạy nghề tham gia giảng dạy; soát xét nắm lại đội ngũ nghệ nhân trong tỉnh, có chính sách thỏa đáng để đội ngũ này tham gia đào tạo, truyền nghề cho lao động.

## **5. Một số dự án ưu tiên**

- Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý OCOP
- Dự án đào tạo nghề
- Dự án phát triển, nâng cấp sản phẩm OCOP
- Dự án đánh giá, xếp loại sản phẩm OCOP
- Nhóm Dự án Trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP
- Nhóm Dự án khai thác thế mạnh ngành nghề nông thôn gắn với du lịch
- Dự án ứng dụng khoa học công nghệ tạo sản phẩm
- Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm
- Hoạt động thông tin truyền thông OCOP

## **6. Kinh phí và nguồn kinh phí**

### **6.1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án**

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án giai đoạn 2019 - 2030: 285.000 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn Ngân sách Nhà nước: 120.000 triệu đồng (bằng 42% tổng số)
- Nguồn vốn huy động: 165.000. đồng (bằng 58% tổng số)

### **6.2. Nguồn vốn**

6.2.1. Nguồn vốn huy động của các tổ chức kinh tế, hộ gia đình: 165.000 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn tự có của các chủ thể OCOP, vốn của các nhà tài trợ: 100.000 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 65.000 triệu đồng.

6.2.2. Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 120.000 triệu đồng

- Vốn hỗ trợ sản xuất từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, chương trình 30a, khuyến nông: 63.000 triệu đồng
- Vốn ngân sách cho quản lý, vận hành chương trình OCOP: 20.000 triệu đồng
- Vốn chương trình xúc tiến thương mại, khuyến công: 25.000 triệu đồng
- Vốn sự nghiệp khoa học công nghệ: 12.000 triệu đồng

### **6.3. Phân kỳ đầu tư**

- Giai đoạn 2019 - 2020: 77.000 triệu đồng
- Giai đoạn 2021-2030: 208.000 triệu đồng

## **7. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### **7.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức**

Tập trung thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng bằng nhiều hình thức trong nhân dân để người dân biết và tham gia Đề án. Đưa Đề án OCOP vào Nghị quyết hành động của cấp ủy các cấp để chỉ đạo thực hiện, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền để triển khai thực hiện thường xuyên, lâu dài.

### **7.2. Xây dựng và phát triển các mô hình tổ chức sản xuất, hệ thống hỗ trợ chương trình OCOP**

- Xây dựng hệ thống tư vấn hỗ trợ: tư vấn phát triển hệ thống tổ chức sản xuất, tư vấn tài chính; tư vấn phát triển sản phẩm; Tư vấn khởi sự và quản trị Doanh nghiệp; Tư vấn khoa học, kỹ thuật, mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm.

- Xây dựng hệ thống đối tác OCOP: bao gồm các cá nhân, pháp nhân có quan hệ với các chủ thể OCOP theo cách hợp tác cùng có lợi ích như: Các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất - kinh doanh sản phẩm OCOP; Các viện nghiên cứu, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP; Các ngân hàng, các quỹ đầu tư; Các tổ chức/doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm; Các tổ chức quốc tế; Mạng xã hội,...

- Hệ thống tổ chức sản xuất: Hình thành các hợp tác xã/doanh nghiệp vừa và nhỏ với các nhóm, hộ gia đình hoặc tái cơ cấu các tổ chức kinh tế đã có theo hướng có sự tham gia lớn hơn của cộng đồng.

### **7.3. Về khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ**

- Xây dựng và triển khai chính sách khoa học, công nghệ đối với các sản phẩm OCOP theo hướng nghiên cứu ứng dụng, triển khai; xây dựng tiêu chuẩn hóa sản phẩm.

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP trên nhu cầu của các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia Đề án OCOP.

- Ưu tiên công tác phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm OCOP.

- Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP.

### **7.4. Về cơ chế, chính sách**

Các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia thực hiện Đề án OCOP được áp dụng các chính sách hỗ trợ hiện hành của Trung ương và tỉnh về phát triển ngành nghề nông thôn, phát triển nông nghiệp, nông thôn...; hỗ trợ tín dụng cho sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ về khoa học công nghệ,...

## **8. Tổ chức thực hiện**

### **8.1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:**

Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan điều phối tham mưu triển khai thực hiện Chương trình OCOP, có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, Đề án;
- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành tiêu chí đánh giá xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP-SL, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm Chương trình OCOP-SL.
- Hướng dẫn cấp huyện xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Đề án OCOP của tỉnh;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, tham quan học tập theo Chương trình OCOP;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành có liên quan hướng dẫn cấp huyện đánh giá, lựa chọn sản phẩm Chương trình OCOP cấp huyện; tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đánh giá xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP toàn tỉnh;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại sản phẩm Chương trình OCOP-SL; tổ chức các hội chợ triển lãm sản phẩm Chương trình OCOP-SL hàng năm.
- Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình OCOP trên toàn tỉnh;
- Chủ trì tham mưu sơ kết thực hiện Chương trình hàng năm, tổng kết giai đoạn; đề xuất Chương trình OCOP cho các giai đoạn tiếp theo.

### **8.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc và giúp đỡ các địa phương thực hiện các chính sách về khuyến khích phát triển nông nghiệp của tỉnh; kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý xây dựng các sản phẩm trong Chương trình OCOP-SL.

- Chủ trì lồng ghép các hoạt động của ngành với việc thực hiện phát triển các sản phẩm của Chương trình (từ khâu quy hoạch, tổ chức sản xuất, khuyến nông, chuyển giao công nghệ...).

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm.

### 8.3. Sở Công thương:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại tổ chức các hội chợ, hội thi để góp phần quảng bá và tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình OCOP-SL.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm.

- Lồng ghép các hoạt động của ngành gắn với việc thực hiện Chương trình OCOP-SL trên phạm vi toàn tỉnh (hỗ trợ máy móc thiết bị, hỗ trợ kiến thức kinh doanh, hỗ trợ thiết kế bao bì sản phẩm).

### 8.4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP-SL. Bố trí sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm hỗ trợ các tổ chức kinh tế nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm.

- Tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện xây dựng, quản lý, bảo vệ, duy trì và phát triển thương hiệu sản phẩm; thiết kế mẫu nhãn hiệu, bao bì sản phẩm; đăng ký mã số, mã vạch; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu đã được bảo hộ.

- Chủ trì lồng ghép các hoạt động của ngành với việc thực hiện phát triển các sản phẩm của Chương trình OCOP-SL.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm.

### 8.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Hỗ trợ tổ chức kinh tế, nhóm cộng đồng nghiên cứu phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của các vùng, miền; xây dựng câu chuyện cho sản phẩm OCOP phục vụ công tác phân phối, tiếp thị sản phẩm.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm. Đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ du lịch.

### 8.6. Sở Thông tin và Truyền thông:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin truyền thông; chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương của cấp ủy chính quyền trong quá trình thực hiện Chương trình OCOP; Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý phần mềm báo cáo, xúc tiến thương mại điện tử ... và các chức năng nhiệm vụ khác của ngành.

### 8.7. Sở Tài chính:

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành liên quan, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, UBND cấp huyện, thành

phổ tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước cho thực hiện Đề án;

- Hỗ trợ các tổ chức kinh tế hình thành trong Chương trình OCOP- SL về nghiệp vụ, chế độ quản lý tài chính; hướng dẫn một số cơ chế chính sách liên quan đến huy động các nguồn lực trong triển khai thực hiện Chương trình.

#### 8.8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Lồng ghép các nội dung của Chương trình vào Quy hoạch tổng thể, kế hoạch hằng năm; vận động, thu hút các nguồn vốn trong nước và nước ngoài để thực hiện chương trình; phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách và phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình theo quy định.

#### 8.9. Sở Lao động thương binh và Xã hội:

- Chủ trì quản lý định hướng, tổ chức đào tạo các ngành nghề liên quan đến Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tỉnh để phục vụ nâng cao hiệu quả của Chương trình OCOP-SL.

- Chủ trì lồng ghép các hoạt động của Ngành với việc tư vấn phát triển các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện các kỳ đánh giá xếp hạng sản phẩm. Đặc biệt là các vấn đề về tổ chức, lao động.

#### 8.10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng cho các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân trên địa bàn biết, hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm và tổ chức thực hiện Kế hoạch đã ban hành;

- Đưa Chương trình OCOP-SL vào Nghị quyết, Chương trình hành động của cấp ủy; kế hoạch, chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của UBND để triển khai thực hiện thường xuyên và lâu dài;

- Tùy điều kiện, đặc điểm cụ thể, chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm cấp huyện theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương và phát triển du lịch dịch vụ ở nông thôn;

- Ưu tiên bố trí và huy động các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP-SL ở địa phương;

- Hàng năm tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Chương trình OCOP- SL tỉnh;

- Lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình OCOP hàng năm trình thẩm định, phê duyệt để làm căn cứ thực hiện;

- Thực hiện công tác phối hợp, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và báo cáo theo quy định.

8.11. Các tổ chức chính trị, xã hội (*Mặt trận tổ quốc các cấp, Hội nghề nghiệp, đoàn thể chính trị xã hội, ...*): theo chức năng nhiệm vụ của mình tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

8.12. Các Trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề các huyện Thành phố, đào tạo nghề tại các Doanh nghiệp (dệt may, chế biến nông sản,...).

Tham gia đào tạo các ngành nghề liên quan, quản trị kinh doanh, tiếp thị cho các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP có nhu cầu.

**Điều 2.** Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo đạt hiệu quả, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lưu: VT, Phụ 25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng